



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 201 + 202

Ngày 01 tháng 5 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

10-4-2024-	Quyết định số 1194/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.	3
12-4-2024-	Quyết định số 1235/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	30
15-4-2024-	Quyết định số 1245/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.	36
15-4-2024-	Quyết định số 1251/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	47

- 15-4-2024- Chỉ thị số 09/CT-UBND về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 60

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

- 09-4-2024- Công văn số 732/UBND-NC v/v đính chính sai sót tại Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú. 65

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

- 29-01-2024- Quyết định số 157/QĐ-UBND về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè kỳ 2019 - 2023. 67

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1194/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thể dục thể thao  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ  
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm  
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến  
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục  
hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 1516/TTr-  
SVHTT ngày 05 tháng 4 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 32 thủ tục hành chính được  
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý

của Sở Văn hoá và Thể thao.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính:

- Thủ tục hành chính có thứ tự từ B.IV.1 đến B.IV.29 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hợp tác quốc tế, Thư viện, Văn hóa cơ sở, Nhiếp ảnh, Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa, Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Thủ tục hành chính có thứ tự C.2, C.3, C.4 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ VĂN HÓA  
VÀ THỂ THAO

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực thể dục thể thao						
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
2.	Thủ tục cấp	07 ngày	Sở Văn	Chưa	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	quy định	<p>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	
3.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<p>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thẻ dực thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
4.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thẻ dực, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thẻ dực, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li><li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thẻ dực, thể thao.</li><li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li><li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thẻ dực thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li></ul>	
5.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi,	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thẻ dực, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thẻ dực, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li><li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thẻ dực, thể thao.</li></ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thao đổi với môn Yoga		phường Bến Nghé, Quận 1		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.</li> <li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
6.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đổi với môn Golf	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</li> </ul>	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					lich quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
7.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Du lịch.	
8.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo.</li> <li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
9.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	động thể thao đối với môn Karate		Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1		sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
10.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	
11.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<p>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards &amp; Snooker.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
12.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn.</li> <li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
13.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	sơ hợp lệ	Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1		<p>2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	
14.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<p>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
15.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
16.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo.</li> <li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
17.	Thủ tục cấp giấy chứng	07 ngày làm việc,	Sở Văn hóa và	Chưa quy	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	định	thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
18.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Rồng		Nghé, Quận 1		<p>2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	
19.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<p>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
20.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Du lịch.	
21.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinan	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam.</li> <li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
22.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	sơ hợp lệ	Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1		<p>2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	
23.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<p>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	
24.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<p>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
25.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li><li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li><li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li><li>- Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin.</li><li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li></ul>	
26.	Thủ tục cấp giấy chứng	07 ngày làm việc,	Sở Văn hóa và	Chưa quy	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	định	thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
27.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	súng thể thao		Nghé, Quận 1		2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
28.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	
29.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<p>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu.</p> <p>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
30.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li><li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li><li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li><li>- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao.</li><li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li></ul>	
31.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi,	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li><li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li></ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thao đổi với môn Bóng rổ		phường Bến Nghé, Quận 1		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ.</li> <li>- Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
32.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1235/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kiểm lâm,  
Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1061/TTr-SNN ngày 10 tháng 4 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: 01 thủ tục hành chính mới, 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 01 thủ tục hành chính thay thế, 02 thủ tục hành chính bãi bỏ (do bị thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy

ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính:

- Thứ tư số A.2, B.1 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 5219/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thứ tự số B.B1.I.1 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KIỂM LÂM, LÂM NGHIỆP**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b>						
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	<p>- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).	Không	<p>- Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 717/QĐ-BNN-TCLN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	



**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>						
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.	28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.</li><li>- Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.</li><li>- Quyết định số 178/QĐ-BNN-LN ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li></ul>	

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CÁC CHI CỤC TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>						
1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi cục Kiểm lâm Thành phố (Địa chỉ: 01 Đỗ Ngọc Thanh, phường 14, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh) đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản.</li> <li>- Chi cục Thủy sản Thành phố (Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh) đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;</li> <li>- Quyết định số 4357<sup>a</sup>/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CÁC CHI CỤC TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;</li><li>- Căn cứ Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cơ quan thực hiện: Chi cục Thủy sản.</li><li>- Bị bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES.</li></ul>
2	Đăng ký mã số cơ sở trại nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định số 4357<sup>a</sup>/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm Lâm.</li><li>- Bị bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES.</li></ul>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1245/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 1619/TTr-SVHTT ngày 11 tháng 4 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hoá và Thể thao.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố của các thủ tục hành chính có thứ tự số A.2, A.3, A.4, A.5, B.1, B.3, B.4, C.1, C.2 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ  
VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Di sản văn hóa</b>						
1.	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li><li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li><li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.</li><li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li><li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP</li></ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thẻ tại địa phương				và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
2.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
3.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li><li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li><li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.</li><li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li><li>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li><li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li><li>- Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn</li></ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					hóa, Thể thao và Du lịch.	
5.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
6.	Thủ tục cấp chứng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Sở Văn hóa và	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chỉ hành nghề tu bổ di tích	đủ hồ sơ hợp lệ	Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1		<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li><li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.</li><li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li><li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li><li>- Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li></ul>	
7.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di	- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li><li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li><li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010</li></ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tích	<p>hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p>	Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1		<p>của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.</p> <p>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	
8.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có	Sở Văn hóa và Thể thao - 164 Đồng Khởi,	Không	<p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tích	trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	phường Bến Nghé, Quận 1		của Luật Di sản văn hóa. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
9.	Thủ tục cấp lại	- Đối với trường hợp cấp lại Giấy	Sở Văn hóa và	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.	Thể thao - 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Quyết định số 945/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1251/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 7321/TTr-SLĐTBXH ngày 09 tháng 4 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 09 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm 03 thủ tục hành chính mới ban hành và 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành

chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục hành chính có thứ tự A.V.1, A.V.2, A.V.3, A.V.4, B.IV.1, B.IV.2 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được chuẩn hóa tại Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỞI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA TRUNG  
TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Việc làm</b>						
1	Chăm dắt hướng trợ cấp thất nghiệp p	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ: 153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Việc làm ngày 16/11/2013.</li><li>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</li><li>- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</li><li>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</li><li>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của</li></ul>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	
2	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	02 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nộp phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ: 153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh	Không	<p>- Luật Việc làm ngày 16/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ</p>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nộp phiếu tư vấn giới thiệu, việc làm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	
3	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo tìm kiếm việc làm, Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ: 153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận	Không	<p>- Luật Việc làm ngày 16/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của</p>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo tìm kiếm việc làm, Trung tâm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Thành phố chuyển danh sách người lao động đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng cho Bảo hiểm xã hội Thành phố để thực hiện chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho người lao động	Bình Thạnh		<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	Dịch vụ việc làm Thành phố chuyển danh sách người lao động đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng cho Bảo hiểm xã hội Thành phố để thực hiện chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ: 153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh	Không	<p>- Luật Việc làm ngày 16/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
2	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	02 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ: 153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Việc làm ngày 16/11/2013.</li> <li>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</li> <li>- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</li> <li>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</li> <li>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. - Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
3	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	02 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động tiếp tục thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định đối với người lao động bị tạm	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ: 153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013. - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. - Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. - Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. - Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu vẫn còn thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. - Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
4	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ: 153 Xô	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013. - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. - Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đến)	chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động	viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh		<p>ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	
5	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố địa chỉ:	Không	<p>- Luật Việc làm ngày 16/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ng nghiệp (chuyển đi)	được đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động	153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh		<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	
6	Giải quyết hỗ trợ học nghề	20 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố	Không	<p>- Luật Việc làm ngày 16/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề	địa chỉ: 153 Xô viết Nghệ tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh		<p>- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 351/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

**CHỈ THỊ**  
**Về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Trong những năm qua, công tác truyền thông chính sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng được quan tâm, đầu tư; công tác triển khai ngày càng được chú trọng và đạt kết quả tích cực. Tuy nhiên, nhiều Sở, ngành, địa phương vẫn còn chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác truyền thông chính sách; chưa tổ chức bộ phận tham mưu, chưa có sự chủ động, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa bố trí nguồn lực phù hợp cho công tác truyền thông chính sách. Đặc biệt, nhiều nơi chưa thực hiện tốt các quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí đã để xảy ra những sự cố truyền thông trên một số lĩnh vực, gây ảnh hưởng và làm dư luận xã hội chưa hiểu đầy đủ và kịp thời về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của chính quyền Thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách; căn cứ Quyết định số 765/QĐ-BTTTT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg;

Nhằm nâng cao chất lượng công tác truyền thông chính sách, góp phần tạo sự đồng thuận, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi chính sách, pháp luật trong bối cảnh bùng nổ thông tin nhiều chiều như hiện nay,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu:

**1. Các Sở, ngành, thành phố Thủ Đức và các quận, huyện:**

a) Quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác truyền thông chính sách ở tất cả các cấp, các ngành, coi đây là một nhiệm vụ, chức năng của cơ quan hành chính nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị.

b) Thực hiện và chỉ đạo thực hiện tốt việc công khai thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin; Luật Báo chí; Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp thông tin theo đề nghị của các cơ quan báo chí trong giao ban báo chí hằng tuần tại Trung tâm Báo chí Thành phố (thuộc Sở Thông tin và Truyền thông); phản hồi kịp thời các đề nghị của cơ quan báo chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

c) Xây dựng Kế hoạch truyền thông chương trình công tác năm, kế hoạch thực hiện chủ đề năm; các chủ trương, chính sách mới, quan trọng; các hoạt động trọng tâm. Chủ động, linh hoạt và phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc cung cấp thông tin cho báo chí trong các giai đoạn từ khi hoạch định chủ trương, xây dựng, hoàn thiện, ban hành, thực thi và đánh giá chính sách; đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời, đúng quy định và dự báo được các vấn đề phát sinh.

Phát huy vai trò các cơ quan báo chí tham gia trong việc góp ý, phản biện trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách.

d) Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ làm công tác truyền thông chính sách đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Chủ động kết nối, phát triển mạng lưới truyền thông.

đ) Bố trí kinh phí để tăng cường công tác truyền thông chính sách. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu việc đặt hàng cho các cơ quan báo chí làm nhiệm vụ truyền thông chính sách phù hợp với yêu cầu và quy định của pháp luật.

e) Đẩy mạnh truyền thông chính sách trên nền tảng số. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản trị truyền thông để phát hiện, dự báo các xu hướng tích cực và tiêu cực, có lợi và bất lợi cho công tác chỉ đạo điều hành.

## **2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:**

a) Chủ động cung cấp thông tin, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho cơ quan báo chí để thực hiện tốt, hiệu

quả, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện cơ chế, chính sách của Trung ương, Thành phố. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các Sở, ngành, thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện việc chủ động cung cấp thông tin và cung cấp thông tin đáp ứng tốt nhu cầu của các cơ quan báo chí.

b) Tham mưu tổ chức lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả của Cổng thông tin điện tử Thành phố.

### **3. Sở Thông tin và Truyền thông:**

a) Chủ trì, theo dõi, định kỳ tổng hợp và tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện cung cấp thông tin và thực hiện công tác truyền thông chính sách của các Sở, ngành, thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các cơ quan báo chí.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả của các cơ quan báo chí, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ truyền thông chính sách.

c) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy và các cơ quan liên quan định hướng, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho các cơ quan báo chí và các phương thức truyền thông khác về những vấn đề dư luận xã hội quan tâm.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý báo chí, quản lý hoạt động truyền thông. Sử dụng công nghệ rà quét, đánh giá xu hướng thông tin trên báo chí, truyền thông để nắm bắt các vấn đề phát sinh trong công tác truyền thông chính sách.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương phát huy hiệu quả của hệ thống thông tin cơ sở trong công tác truyền thông chính sách và lắng nghe ý kiến góp ý, phản biện của Nhân dân.

đ) Phối hợp với cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp thông tin trên báo chí, mạng xã hội; theo dõi, phát hiện tin giả, tin xấu độc chống phá Đảng, Nhà nước, xuyên tạc chủ trương chính sách, gây mất đoàn kết, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Thông tin và Truyền thông có biện pháp xử lý phù hợp.

e) Xây dựng mạng lưới kết nối truyền thông của các cơ quan, đơn vị để thực hiện hiệu quả công tác truyền thông chính sách.

g) Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về cơ chế, chính sách, nhất là các vấn đề dư luận xã hội quan tâm thuộc phạm vi quản lý.

h) Chỉ đạo và phát huy vai trò của Trung tâm Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó lưu ý việc tổ chức thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ các cơ quan báo chí, thực hiện chức năng đầu mối đề nghị Lãnh đạo Thành phố và các cơ quan chức năng cung cấp, định hướng thông tin về các vấn đề dư luận xã hội đang bức xúc, quan tâm đến các cơ quan báo chí.

#### **4. Sở Tư pháp:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ hằng năm theo Quyết định 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”.

b) Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm thúc đẩy việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người dân, trong đó có tăng cường truyền thông chính sách.

#### **5. Sở Nội vụ:**

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn vị trí việc làm, định mức biên chế của công chức, viên chức làm công tác truyền thông, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ truyền thông chính sách của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### **6. Sở Ngoại vụ và Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố**

Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai công tác truyền thông chính sách đến các Cơ quan Lãnh sự, tổ chức quốc tế và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai công tác truyền thông chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

#### **7. Sở Tài chính:**

Tham mưu, bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện công tác truyền thông chính sách của các Sở, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

#### **8. Các cơ quan báo, đài Thành phố:**

Các cơ quan báo, đài Thành phố phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các Sở, ngành, địa phương trong công tác truyền thông chính sách; tăng cường, nâng cao chất lượng truyền thông chính sách, đẩy mạnh chuyển đổi số báo chí, ứng dụng công nghệ, đổi mới phương thức truyền thông đa phương tiện, đẩy mạnh truyền thông chính sách trên nền tảng số để công tác truyền thông chính sách đạt hiệu quả cao.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**



**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 732/UBND-NC

*Tân Phú, ngày 09 tháng 4 năm 2024*

V/v đính chính sai sót tại Quyết định  
số 01/2024/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 01 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân  
quận Tân Phú

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo Thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận;
- Ban ngành quận;
- Ủy ban nhân dân 11 phường.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú có ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

Qua rà soát, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú phát hiện có sai sót về kỹ thuật và đính chính như sau:

- Tại trang 01 phần Căn cứ pháp lý ban hành văn bản, dòng thứ 19 từ trên xuống viết là: “Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BYT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ...” nay sửa thành “Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ...”

- Tại trang 02 phần Căn cứ pháp lý ban hành văn bản, dòng thứ 05 từ trên xuống viết là: “Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 2880/TTr-NV ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp tại Công văn

*số 1811/BC-PTP ngày 15 tháng 11 năm 2023.” nay sửa thành “Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình 2880/TTr-NV ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp tại báo cáo số 1811/BC-PTP ngày 15 tháng 11 năm 2023.” ./.*

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Minh Mẫn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 157/QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 29 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật  
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè kỳ 2019 - 2023****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**


*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật;  
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;  
Căn cứ Kế hoạch số 2528/KH-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy  
ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp  
luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp huyện Nhà Bè tại Tờ trình số  
06/TTr-PTP ngày 05 tháng 01 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố kèm theo Quyết định này kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè kỳ 2019-2023 bao gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (gồm 18 văn bản).
2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (gồm 0 văn bản).
3. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (gồm 17 văn bản).
4. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (gồm 08 văn bản).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**CHỦ TỊCH**

**Triệu Đỗ Hồng Phước**

**DANH MỤC**

**Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023**  
*(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
1	Quyết định	Số 387/2009/QĐ-UBND ngày 15/7/2009	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/10/2022
2	Quyết định	Số 650/2009/QĐ-UBND ngày 30/12/2009	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	07/02/2022
3	Quyết định	Số 02/2011/QĐ-UBND ngày 08/03/2011	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/10/2022



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
4	Quyết định	Số 04/2011/QĐ-UBND ngày 28/4/2011	Về việc đính chính số văn bản quy phạm pháp luật	Được thay thế bởi các Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện Nhà Bè; Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc UBND huyện Nhà Bè; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND huyện Nhà Bè; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND huyện Nhà Bè.	30/9/2022
5	Quyết định	Số 01/2011/QĐ-UBND ngày 08/03/2011	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/10/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
6	Quyết định	Số 02/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/10/2022
7	Quyết định	Số 02/2013/QĐ-UBND ngày 10/7/2013	Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn huyện Nhà Bè giai đoạn 2011-2020	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	07/02/2022
8	Quyết định	Số 03/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều bởi Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	29/01/2021
9	Quyết định	Số 03/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp trực thuộc UBND huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022
10	Quyết định	Số 05/2016/QĐ-UBND ngày 03/11/2016	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
11	Quyết định	Số 01/2017/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Đã được thay thế bởi Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	09/8/2019
12	Quyết định	Số 02/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017	Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Huyện thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022
13	Quyết định	Số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022
14	Quyết định	Số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022
15	Quyết định	Số 03/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
16	Quyết định	Số 04/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022
17	Quyết định	Số 01/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019	Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022
18	Quyết định	Số 01/2021/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp trực thuộc UBND huyện Nhà Bè được ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Được thay thế bởi Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Nhà Bè ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện Nhà Bè	31/9/2022
<b>Tổng số: 18 văn bản</b>					

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023  
(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRONG KỲ HỆ THỐNG HOÁ 2019-2023					
STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					
Tổng số: 0 văn bản					
I. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					
Tổng số: 0 văn bản					
B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2019 THUỘC ĐỐI TƯỢNG CỦA KỶ CÔNG BỐ TRƯỚC NHƯNG CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ (NẾU CÓ)					
STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					
Tổng số: 0 văn bản					
I. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					
Tổng số: 0 văn bản					

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành  
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân  
huyện Nhà Bè trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP, BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ</b>					
1	Quyết định	Số 02/2014/QĐ-UBND ngày 12/3/2014	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè	19/03/2014	
2	Quyết định	Số 02/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	
3	Quyết định	Số 03/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	
4	Quyết định	Số 04/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	
5	Quyết định	Số 05/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	



Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
6	Quyết định	Số 06/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	
7	Quyết định	Số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Huyện thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	
8	Quyết định	Số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	
9	Quyết định	Số 09/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	30/09/2022	
10	Quyết định	Số 10/2022/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	10/10/2022	
11	Quyết định	Số 11/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	31/10/2022	
12	Quyết định	Số 12/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	31/10/2022	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
13	Quyết định	Số 13/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	31/10/2022	
<b>II. LĨNH VỰC KHÁC</b>					
1	Quyết định	Số 01/2013/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	Về bãi bỏ văn bản	01/05/2013	
2	Quyết định	Số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/11/2017	Về bãi bỏ văn bản	18/11/2017	
3	Quyết định	Số 05/2018/QĐ-UBND ngày 04/12/2018	Về bãi bỏ văn bản	12/12/2018	
4	Quyết định	Số 01/2022/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	Về bãi bỏ văn bản	07/02/2022	
<b>Tổng cộng: 17 văn bản</b>					



**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN NHÀ BÈ**


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023**  
*(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
1	Quyết định	Số 02/2014/QĐ-UBND ngày 12/3/2014	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè	Bãi bỏ	Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè	Quý 01/2024
2	Quyết định	Số 02/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Thay thế	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Quý 4/2024
3	Quyết định	Số 03/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Sửa đổi, bổ sung	Phòng Tư pháp huyện Nhà Bè	Quý 03/2024
4	Quyết định	Số 04/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Sửa đổi, bổ sung	Phòng Y tế huyện Nhà Bè	Quý 03/2024



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
5	Quyết định	Số 05/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Sửa đổi, bổ sung	Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè	Quý 03/2024
6	Quyết định	Số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Sửa đổi, bổ sung	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Nhà Bè	Quý 03/2024
7	Quyết định	Số 09/2022/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Thay thế	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Quý 4/2024
8	Quyết định	Số 10/2022/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Sửa đổi, bổ sung	Phòng Văn hóa và Thông tin	Quý 4/2024
Tổng số: 08 văn bản						

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tpcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tpcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng